

Bản án số: 02/2024/HS-ST  
Ngày 17 - 01 - 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Á.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thế Bình

Bà Trần Thị Hải Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện VKS nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2023/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

+ Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 13/3/1992; nơi thường trú: Tổ dân phố số , thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961, con bà Vũ Thị H, sinh năm 1964; gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba; vợ: Chị Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 01/11/1999; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

+ Bị hại: Chị **Đoàn Ngọc Á**, sinh ngày 01/11/1999 (là vợ bị cáo);

Thường trú tại: Tổ dân phố số , thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T và chị Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 01/11/1999 là người cùng tổ dân phố số 3, thị trấn N, nên hai người có liên hệ, trò chuyện qua điện

thoại, đã phát sinh tình cảm và yêu nhau. Đến tháng 5 năm 2014, đã lâu T không nhớ ngày cụ thể, vào khoảng 21 giờ, T rủ chị Á về nhà mình chơi. Đến nơi, thấy không có ai ở nhà nên T đã đưa chị Á lên phòng ngủ của mình trên tầng 2 rồi cả hai ôm, hôn nhau trên giường, T rủ chị Á quan hệ tình dục, chị Á đồng ý. Sau đó T và Á cởi bỏ quần áo đang mặc trên người, Á nằm ngửa trên giường, hai chân mở rộng sang hai bên, T nằm sấp phía trên người Á. Khi dương vật của T cương cứng thì T đưa dương vật vào sâu trong âm đạo chị Á, hai người cùng quan hệ tình dục được khoảng 05 phút thì T xuất tinh trùng vào trong âm đạo của chị Á. Sau đó hai người vệ sinh cá nhân xong, T đưa chị Á về nhà. Khi quan hệ tình dục, cả hai đều không sử dụng biện pháp tránh thai và thời điểm quan hệ tình dục với T, chị Á chưa đủ 15 tuổi.

Đến khoảng tháng 8 năm 2014, chị Á có thai nên thông báo cho T và gia đình hai bên biết. Thời điểm này, do chị Á chưa đủ tuổi kết hôn nên T và chị Á chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy. Hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới cho T và chị Á vào ngày 12/9/2014. Sau khi cưới, T và chị Á sống chung ở nhà riêng của T tại tổ 3, thị trấn N, huyện N. Đến ngày 21/02/2015, chị Á sinh con là cháu Nguyễn Bảo Trung tại Bệnh viện phụ sản tỉnh Nam Định. Lúc này chị Á mới 15 tuổi 3 tháng 20 ngày.

Trong khoảng thời gian từ khi cưới đến trước ngày 01/11/2015 (ngày chị Á đủ 16 tuổi), T và chị Á nhiều lần quan hệ tình dục với nhau tại giường trong phòng ngủ của hai vợ chồng tại nhà riêng. Ngày 09/12/2016, chị Á tiếp tục sinh con thứ hai là cháu Nguyễn Bảo Khá, tại Bệnh viện phụ sản tỉnh Nam Định. Đến ngày 15/8/2018, T và chị Á đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N.

Đầu tháng 10/2023, do vợ chồng có mâu thuẫn trong quá trình chung sống, chị Á gửi đơn đề nghị xin ly hôn với T đến Tòa án nhân dân huyện N để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N phát hiện việc T có hành vi quan hệ tình dục với chị Á khi chị Á chưa đủ 16 tuổi, có dấu hiệu của tội phạm “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 17/10/2023, Tòa án nhân dân huyện N có văn bản chuyển nguồn tin về tội phạm số: 62/CV-TA gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để tiến hành xác minh, giải quyết theo quy định.

Ngày 03/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã tiến hành cho T và chị Á xác định hiện trường vụ việc đúng tại phòng ngủ của T tại nhà ông Nguyễn Văn T (bố đẻ T) và nhà riêng của T và chị Á đều ở tổ dân phố số 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định là những nơi T đã quan hệ tình dục nhiều lần với chị Á trong khoảng thời gian từ tháng 5/2014 đến trước ngày 01/11/2015.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành trích sao Bệnh án sản KH của chị Đoàn Ngọc Á tại Bệnh viện phụ sản tỉnh Nam Định. Căn cứ bệnh án xác định chị Đoàn Ngọc Á nhập viện ngày 21/02/2015, đến 19 giờ 50 phút

cùng ngày đẻ thường 01 con trai cân nặng 2700gram, ở tuần thai thứ 36, đặt tên là Nguyễn Bảo Trung.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa Nguyễn Văn T, chị Đoàn Ngọc Á và cháu Nguyễn Bảo Trung. Tại Bản kết luận giám định số 8061/KL-KTHS ngày 05/12/2023 của Viện KH học hình sự Bộ Công an kết luận: Nguyễn Văn T sinh ngày 13/3/1992; Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 01/11/1999 và Nguyễn Bảo Trung, sinh ngày 21/02/2015 có mối quan hệ huyết thống cha đẻ - mẹ đẻ - con đẻ với nhau.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho chị Á số tiền 10 triệu đồng, chị Á đã nhận đủ không có yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

*Tại phiên tòa:*

Bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Bị hại: Chị Đoàn Ngọc Á giữ nguyên lời trình bày tại cơ quan điều tra, chị đã nhận đủ số tiền 10 triệu đồng từ anh T, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và xin cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giao cấu với trẻ em”

- Áp dụng điểm điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm, 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 án phí HSST.

Bị cáo và bị hại đều không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế, có hoàn cảnh khó khăn, các con còn nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; Bản kết luận giám định số: 8061/KL-KTHS ngày 05/12/2023 của Viện KH học hình sự Bộ Công an và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ tình yêu nam nữ, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2014 đến trước ngày 01/11/2015, bị cáo và chị Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 01/11/1999 đã tự nguyện quan hệ tình dục với nhau tại phòng ngủ của bị cáo ở nhà ông Nguyễn Văn T (bố đẻ bị cáo) và nhà riêng của bị cáo đều có địa chỉ tại tổ dân phố số 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định. Khi quan hệ tình dục chị Á chưa đủ 15 tuổi đến 15 tuổi 11 tháng 29 ngày, dẫn đến chị Á có thai, ngày 21/02/2015 chị Á sinh cháu Nguyễn Bảo Trung tại bệnh viện phụ sản tỉnh Nam Định. Kết quả giám định AND của Viện KH học hình sự Bộ Công an thể hiện cháu Nguyễn Bảo Trung, ngày 21/02/2015 có quan hệ huyết thống với chị Đoàn Ngọc Á là mẹ đẻ và bị cáo Nguyễn Văn T là bố đẻ. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của trẻ em được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, nhưng do không kìm chế được bản thân đã thực hiện hành vi giao cấu với chị Á, khi biết chị Á chưa đủ 16 tuổi, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần do nhận thức pháp luật của bị cáo và bị hại còn

hạn chế, xuất phát từ tình cảm nam nữ, tự nguyện giao cấu, trong khi cả hai đều chưa nhận thức được đầy đủ về sức khỏe và độ tuổi sinh sản. Khi biết bị hại có thai, bị cáo đã báo cáo gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục để có thời gian chăm sóc bị hại, cho đến khi bị hại đủ 18 tuổi, hai người cùng đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định, trở thành vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Do vậy, khi xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Một mặt cần đảm bảo được tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng đồng thời cũng cần xem xét thể hiện được sự KHn hồng của pháp luật. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hiện bị cáo và bị hại đang là vợ chồng hợp pháp, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 47 BLBS năm 1999 và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Đối với ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H là bố mẹ đẻ của bị cáo, không biết việc T và chị Á quan hệ tình dục với nhau nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Hành vi của ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H (là bố, mẹ đẻ của bị cáo) và ông Đoàn Văn Tô, bà Đoàn Thị Nguyệt (là bố, mẹ đẻ của bị hại) cho bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Đoàn Ngọc Á tổ chức kết hôn vào ngày 12/9/2014 khi bị hại chưa đủ tuổi kết hôn (chưa đủ 18 tuổi) là vi phạm hành chính về lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên cơ quan có thẩm quyền không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền 10 triệu đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b; p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giao cấu với trẻ em”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án Hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn N, N;
- Lưu hồ sơ + VP.

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Á**

